

PHẬT-GIÁO HỘI

ASSOCIATION BOUDDHIQUE



# ĐUỐC - TUỆ

TUẦN BÁO RA NGÀY THỨ BA

Báo quán ở chùa Quán-Sứ phố Richaud, Hanoi

# 慧 燭 報

Chủ nhiệm  
NGUYỄN-NANG-QUOC  
Chủ tịch hội trưởng  
hội Phật-Giáo  
Quản lý  
CUNG-DINH-BINH

Chánh chủ bút  
PHAN-TRUNG-THU  
Sư cụ chùa Bằng-Sứ  
Phó chủ bút  
DUONG-VAN-HIEN  
Sư cụ chùa Tả-Cát



**GIÁ BÁO :**

CẢ NĂM : 1 \$ 00 — NỬA NĂM : 0 \$ 50 — MỖI SỐ : 0 \$ 03

## Kính trình các hội-viên hội Phật-giáo và các vị độc-giả báo « Đuốc-tuệ »

Ngài nào dỗi chỗ ở thì xin gửi thư về ngay nói cho chúng tôi biết để tiện gửi thư từ báo sách khỏi thất lạc xin các ngài nhớ kỹ cho.

### Kính trình các giáo-hữu hội-viên hội Phật-giáo

Báo « Đuốc-tuệ » của hội ta ấn-hành là cốt diễn-dịch những kinh sách nhà Phật để cho hội-viên trong hội cùng hiểu thấu giáo-lý mà tu hành. Báo ra mỗi năm 52 quyển, hời chỉ lấy vừa đủ tiền in có một đồng bạc ; ai cũng nên và cũng có thể mua xem được cả.

Vậy kính trình các giáo-hữu ai đã nhận mua báo rồi thì xin đem tiền giả tại ông chánh đại-biểu địa phương mình mà lấy giấy biên lai ; ai chưa nhận mua báo thì xin biên rõ tên họ và chỗ ở giao tại ông chánh đại-biểu địa-phương mình hay là gửi thẳng về chùa Quán-sứ Hanoi để chúng tôi gửi báo tới.

### Kính trình các vị chánh đại-biểu đại-lý hội Phật-giáo ở các địa-phương

Chúng tôi xin gửi ngài một quyển biên lai nhân tiền báo để ai gửi giả tiền báo thì ngài biên lai thu giùm cho. Trong số hội-viên ở địa-phương ngài ai chưa mua thì xin ngài gia công khuyến hóa giúp, rất cảm ơn ngài.

### KÍNH TRÌNH CÁC NGÀI ĐẠI-LÝ BÁN BÁO « ĐUỐC TUỆ »

Xin các ngài làm cho một bản kết toán từ số 1 đến số 10 xem số nào bán được bao nhiêu, còn lại bao nhiêu ; bán được bao nhiêu thì xin gửi tiền về cho, mà còn lại bao nhiêu thì xin gửi báo về ngay cho, cảm ơn. Từ số 11 trở đi, chúng tôi tạm đình gửi đề đợi thư các ngài xem nơi nào có thể bán được kha khá sẽ gửi.

Những ngài mua báo 3 tháng ngài nào bằng lòng mua nữa thì xin gửi thư về ngay cho nhà báo biết.

## CÁI NGUYÊN-LÝ CỦA PHẬT-GIÁO

CÁI nguyên-lý của Phật-giáo có thể lấy một danh-từ gián-yếu mà biểu thị ra, ấy là cái hiện-thực chủ-nghĩa. Hiện là gì ? hết thấy sự sự vật vật trong vũ-trụ tồn tại đó đều gọi là hiện. Hiện-thực là gì ? tức là cái sự thực của hết thấy sự sự vật vật trong vũ-trụ tồn tại đó. Hiện-thực chủ-nghĩa là gì ? là cứ cái sự thực của hết thấy sự sự vật, vật trong vũ-trụ tồn tại đó vốn nó thế nào thì hiểu rõ ràng nó là thế chứ không hiểu ra thế khác ; ví-dụ như cái lọ hoa thì hiểu nó là cái lọ hoa, chứ không hiểu lầm là một vật khác.

Trong kinh Phật nói pháp nhĩ như thị, (法爾如是) nghĩa là cái sự thực của hết thấy sự sự vật vật trong vũ-trụ tồn tại đó vốn nó thế nào thì nó là thế đấy. Phật đối với vũ-trụ muôn vật hoàn-toàn giác ngộ, đem cái sự thực của hết thấy sự sự vật vật trong cả toàn vũ-trụ, hiểu được rõ ràng ; trong kinh Phật gọi là động kiến chư pháp thực tướng, (洞見諸法真相) nghĩa là thấy suốt thực-tướng mọi phép, là thấy suốt cái bản-lai diệu mục của cả toàn vũ-trụ vậy. Cho nên nói hiện-thực chủ-nghĩa là cái nguyên-lý của Phật-giáo.

Hiện-thực chủ-nghĩa lại có thể nói là cái chủ-nghĩa vô chủ-nghĩa của Phật-giáo, khác hẳn với các triết-học, các tôn-giáo khác. Sao vậy ? Các cái lý-thuyết về triết-học, về tôn-giáo trên thế-gian là đều có tham gia cái chủ-quan và tư-kiến của cá-nhân vào chứ không phải hẳn là cái sự thực của hết thấy sự sự vật vật trong vũ-trụ vốn nó như thế. Hiện-thực chủ-nghĩa của Phật-giáo thì cứ cái sự thực của hết thấy sự sự vật vật trong vũ-trụ tồn tại đó vốn nó thế nào thì nhận nó là thế, tịnh không có cái chủ-quan và tư-

kiến của mình một tí gì vào đấy cả. Cho nên lại có thể nói là cái chủ-nghĩa vô chủ-nghĩa.

Căn-cứ vào cái hiện-thực chủ-nghĩa của Phật-giáo thì cái sự thực của hết thầy sự sự vật vật trong vũ-trụ nó là thế này :

1<sup>o</sup> *Hiện-hành thực-sự*.— Hiện là hiện-tại có, như hiện-tại có thể-giới, hiện-tại có nhân-loại, hiện-tại có vạn vật. Cái thực-sự của những cái hiện-tại có đó gọi là hiện-hành thực-sự. Hết thầy sự sự vật vật trong vũ-trũ, lớn là thể-giới, nhỏ cho đến một vi-trần, không thứ gì, không lúc nào không lưu-hành biến-hóa, ấy là hiện-hành thực sự. Ta cứ thấy một đời người năm ấy tháng ấy ngày ấy sinh, rồi năm nọ tháng nọ ngày nọ chết, vật-kiện lúc ấy thành, rồi lúc nọ hoại, rộng ra nữa đến địa-cầu bao nhiêu năm thành, rồi bao nhiêu năm hoại, đến nhất cầu cũng có lúc thành lúc hoại, muốn sự muốn vật khác đều có cái hạn lượng sinh tử thành hoại nhất-định. Ta thấy như thế chưa phải là thấy đến cái chân-tướng của nó. Kỳ-thực hết thầy sự sự vật vật trong vũ-trụ, giờ nào khắc nào cũng đều có lưu-hành, có biến hóa, duyệt ở chỗ này lại sinh ở chỗ kia, sinh duyệt khởi phục, y như một giòng nước chảy; sự lưu-hành biến-hóa đó cũng gọi là cái giòng sinh-mệnh chảy; bao nhiêu nước chảy trong một giòng đều chỉ là một giòng nước, bao nhiêu sinh-mệnh cùng lưu-hành biến-hóa trong vũ-trụ cũng đều chỉ là một giòng sinh-mệnh mà thôi, không có phân-biệt gì cả; giòng nước bao giờ cũng chảy, giòng sinh-mệnh bao giờ cũng lưu-hành biến-hóa tức là cũng chảy như vậy. Nói ngay như nhân-loại mình, cái sinh-mệnh của mỗi người chẳng phải là lúc sinh ra rồi mới có, lúc chết đi rồi mất hẳn dần; nó có từ lúc vô thủy rồi cũng vô chung; cái mà gọi là một đời sống của người ta chẳng qua là một đoạn của cái giòng sinh-mệnh chảy nó hiện ra đó mà thôi; sự sống sự chết chẳng qua là một thứ giả-tướng biến-hóa của cái giòng sinh-mệnh chảy, không phải là toàn-thể của nó; cũng ví như một làn nước nhỏ lên lặn xuống trong sông quyết không phải là toàn-thể cái giòng nước chảy. Hết thầy sự sự vật vật trong vũ-trụ cũng đều như thế, luôn luôn biến-hóa, mà vẫn thường thường không dứt, khác nào cái giòng

nước luôn luôn nhỏ lên lặn xuống mà vẫn chảy mãi không cùng.

Hiểu được như thế thì phá được hết thầy những điều mê muội trên thế-gian, người ta chỉ vì lầm tưởng cái đời sống của mình là ngắn-ngủi, là riêng rẽ, trừ sự ăn, sự ở, sự mặc riêng của mình, ngoài ra không còn có cái giá-trị gì khác nữa, rồi mới đem đặt cái mục-dịch nhân-sinh vào chỗ rất hèn rất thấp là chỉ cầu làm sao sung mãn được sự ăn, sự ở, sự mặc riêng cho mình, đánh nhau cướp nhau, khiến cho đời người nhiều loạn khổn khổ. Nếu hiểu rõ được cái hiện-hành thực-sự là vô thủy vô chung, hết thầy sự vật vật trong vũ-trụ đều cùng lưu-hành, cùng biến-hóa, không lúc nào ngừng, cùng là một cái giòng sinh-mệnh chảy nó thực-khện ra thì tự nhiên phóng đại được cái tâm-lượng của mình đến chỗ vô-biên vô-lượng, thấy mình cùng với vũ-trụ muôn vật cùng là nhất thể, không còn có nhân ngã bỉ thử gì cả; lại nhận-định được cái mục-dịch chân-chính của nhân-sinh, biết cái sinh-mệnh của mình cũng chung một giòng sinh-mệnh chảy với toàn cả vũ-trụ muôn vật, vĩnh cửu tương tục, vốn nó có cái giá-trị trường tồn bất hủy, muốn hoàn-toàn cái giá-trị ấy thì phải tu hành tích-lũy cho lên tới bậc Phật mới là xứng đáng.

2° *Hiện sự thực tính.* — Sự lưu-hành biến hóa của toàn cả vũ trụ muôn vật là hiện-hành thực-sự, gọi tắt là hiện-sự. Cái thực-tính về sự lưu-hành biến-hóa của toàn cả vũ-trụ muôn vật đó gọi là hiện-sự thực-tính. Ta thấy một người hay một vật gì đều có cơ-thể; kỳ-thực cái cơ-thể ấy không có tính cố định cũng không có tính độc lập. Theo Phật-thuyết, hết thầy đều bởi nhân duyên giả hợp mà thành. Thí-dụ như một cọng cỏ ấy là do hạt giống, đất, nước, ánh nắng các cái nhân-duyên hợp thành. Lại như một người ấy là do bốn chất lớn (tứ đại 四大) đất, nước, lửa, gió thêm cha mẹ giao cấu các nhân-duyên hợp thành. Suy ra cho đến muôn sự muôn vật, đến cả thế-giới, cả vũ-trụ cũng đều bởi các nhân-duyên hợp thành cả, không cái gì là có tính cố định và có tính độc lập. Cái thực-tính của nó là cái tính công-cộng, cái tính phổ-thông. Người với vũ-trụ cũng cùng một

tính. Người này với người kia cũng cùng một tính. Cho đến liết thảy muôn sự muôn vật đều cũng cùng một tính.

Đã biết mình với vũ-trụ với chúng-sinh cùng một tính thì biết cái « ngã-tính » là cái rất sai lầm ; bỏ được cái « ngã-tính » đi thì nhất-thiết hành-động gì đều theo cái tính chí công vô ngã, không còn một chút ý-kiến tự lợi tự tư ; lại biết cái tính chúng-sinh là cái tính mình, cái lợi lạc của chúng-sinh là cái lợi lạc của mình, cái khổ thống của chúng-sinh cũng là cái khổ thống của mình, yêu chúng-sinh cũng như yêu mình mà phát tâm đại từ đại bi để cứu độ chúng-sinh như Phật, chính là do hiểu rõ hiện-sự thực-tính mà thành ra có cái nguyên-lực lớn-lao như thế vậy.

Nói tóm lại cái nguyên-lý Phật-giáo là hiểu rõ cái chân-tướng vũ-trụ muôn vật, nhận định cái giá-trị thực của nhân-sinh đối với vũ-trụ muôn vật, phát minh cái chân-tính bản-nhiên khế-hợp với vũ-trụ muôn vật là cái chân-tính của con người, đưa dắt người ta đến cái địa-vị hoàn-toàn cao-thượng hoàn-toàn viên-mãn, lấy tu hành đến được bậc Phật là cái mô-phạm con người. Ai còn nghi đạo Phật là mê tín, là xuất thế, là tịch-đuyệt hư-vô, là không quan-thiết với nhân sinh, với luân-lý. xin thử ngẫm-nghĩ kỹ lại mà xem.

DƯƠNG-BÁ-TRẠC

---

### Vịnh chùa Bách-môn

*Danh-lam đã nổi tiếng xưa nay,  
Chùa Bách-môn kia cánh khéo bày ;  
Trăm cửa vai chen như cửu rết,  
Bốn bề khói tỏa tựa mây bay.  
Đầu rồng ngọn núi coi như hét,  
Cánh phượng đao chùa ngậm thất hay.  
Nhận kỹ đường đi không khéo lạc  
Khôn ngoan bá Chúa Trịnh ra tay.*

Phượng-sơn NGUYỄN-THIỆN-CHÍNH

# SỰ-TÍCH ĐỨC - PHẬT THÍCH - CA MÃU - NI

釋迦牟尼

## 1. — Nhân duyên giảng-thế của đức

### Phật Thích-Ca Mâu-ni

Theo sách Phật Bản-hạnh chép thì đức Phật Thích-Ca Mâu-ni, Giao-chủ cõi Sa-bà (Sahà) ta này, vốn xưa Ngài là một vị Hộ-minh Bồ-tát ở trên tầng trời Đâu-xuất. Vì thấy chúng-sinh đời đời chìm đắm trong cái bể khổ nghiệp báo trầm-luân, Ngài bèn phát nguyện giảng-sinh để mà tế-dò.

## 2. — Sự giảng-sinh của đức Phật Thích-Ca Mâu-ni và ngày Ngài còn nhỏ

Đức Phật Thích-Ca Mâu-ni Ngài là Thái-tử của vua Tịnh-phạn-vương nước Ca-bi-la (Kapilavastu) xứ trung Ấn-đó. *Thích-ca* là tên họ thuộc về ngành Cồ-dám. Thừa nhỏ Ngài là *Tát-dat-da*, hay là *Kiêu-dat-ma*. Giòng nhà Ngài là giòng *Xát-đế-li*, tức là về giòng tôn-qui trong bốn hạng dân Ấn-đó. Thân-mẫu Ngài là Ma-gia phu-nhân cũng thuộc về một ngành họ Thích-ca ở nước Câu-lại. Họ Thích-ca là một họ giòng giới thành-minh. Vợ chồng vua Tịnh-phạn hiểu-hơi cầu-đạo Trời Phật và tu nhân tích đức mãi đến bốn-mươi-năm tuổi mới sinh được đức Thích-ca là con đầu lòng. Thái-tử Thích-ca dân sinh vào lúc giờ Dần ngày mồng 8 tháng tư, ngang với đời vua Triệu-vương nhà Châu bên Tàu năm Giáp dần thứ 24, tại trong vườn Lam-tì-ni nơi giữa đường mà Thân-mẫu Ngài nhân về quê ngoại để dưỡng thai, tạm nghỉ lại đó rồi sinh ra Ngài. Khi Thái-tử sinh ra, truyền rằng có nhiều điềm lành hiển-hiện như chấn-động cả ba nghìn thế-giới, trên trời có ánh sáng rực rỡ, chiếu khắp mười phương, có chín con rồng phun nước tắm cho Thái-tử và các thiên-thần hòa-nhạc tung hoa. Thái-tử sinh được bảy ngày thì Thân-mẫu Ngài là Ma-gia phu-nhân mệnh chung. Vua Tịnh-phạn giao Ngài cho bà kế-mẫu lại là di ruột của Ngài là Ma-ha-ba-đồ-ba-đề phu-nhân nuôi nấng.

Thái-tử sinh ra, vua Tĩnh-phận triệu một ông thầy tướng trừ-danh vào xem tướng. Thầy tướng xem rồi nói : « Thái-tử có đủ 32 tướng quý của các đấng trượng-phu ở đời; ngày sau, nếu Thái-tử tại-gia thì làm nên một đấng thánh-vương trong thiên-hạ, mà nếu Ngài xuất-gia thì tất đắc đạo thành Phật. » 32 tướng quý ấy là đỉnh đầu có thịt gồ lên như cái búi tóc, mặt tròn như vành nguyệt, mũi cao, mắt xanh và sáng quắc, miệng rộng, ngực đầy, có ngón chữ 卍 (vạn), tay giải khỏi đầu gối, vành tai to, trái tai giầy và xa xuống quá địa-các, tiếng nói to mà vang như tiếng sư-tử gầm hét vân vân . . . .

Thái-tử lớn lên, thiên-tư rất là dĩnh-ngộ và tinh ham học, phàm những khoa học như kỹ-nghệ, diển-tịch, nghị-luận, thiên-văn, địa-lý, toán-pháp, cùng phép bản phép cưỡi ngựa đều tinh-thông. Sức lại khỏe mạnh khác thường, hàng phục được mọi kẻ rất khỏe mạnh khác. Cho nên trong kinh Bản-hạnh nói : « Thái-tử bản thi với các hoàng-phái, Ngài bản một cái tên mà xuất qua bầy cái trống sắt. Lại một lần cầm chân con voi chết mà ném ra chỗ khác ».

### 30 — Sự cảm-súc về đời người của Thái-tử Tất-đạt-đa

Thái-tử Tất-đạt-đa thiên-tính vốn nhân-từ, lớn lên thấy cuộc đời nhiều nỗi đáng thương, lòng càng xúc-dộng. Một lần bắt đầu ra chơi ngoài thành thấy chỗ đất ruộng cây lên, sâu bọ bò lồm-ngõm, chim-tróc xúm xít lại tranh nhau mổ ăn, Thái-tử ngẫm-nghĩ mà thương cho đời người chỉ tàn hại nhau cũng như thế không khác gì. Lại mấy lần sau ra chơi ngoài thành, lần thì gặp người ốm đau-yếu, rên-rỉ. Lần thì gặp người già đi đứng lom-khòm, lần thì gặp đám tang khóc-lóc xót-xa. Thái-tử lại ngẫm-nghĩ mà thương cho cái cảnh vô-thường của đời người.

Đời người đã đáng thương như thế, mà trong đất nước thì tranh hùng cát-cự, phân rẽ nhau ra làm mấy trăm nước nhỏ, ghen ghét xâu-xé lẫn nhau. Lại trong xã-hội thì chia ra làm bốn giai-cấp (1), sang hèn, đời đời cách-tuyệt, Ngài

(1) Bốn giai-cấp : quý tộc, thầy tu, công-thương và nông-nô. Giai-cấp nào đời đời ở giai-cấp ấy không được giao-tế thông-hôn-phối với nhau.



càng thêm ái-ngại cho bọn dân hèn ở giai-cấp dưới luôn chịu thiệt-thòi. Bởi thế khi phụ-vương ép Ngải phải lấy vợ, Ngải xin lấy cho Ngải con nhà giai-cấp dưới cùng cũng được, quí-hồ được người được nết thì thôi.

Ấy mấy mỗi thương-tâm về cuộc thế của Ngải ngày hằng súc-động trong lòng, khiến cho Ngải nhất-định xuất-gia đi cầu đạo để cứu vớt cho đời. Và mấy mỗi tư-tưởng ấy sau thành ra những cái căn-bản giáo-lý của Ngải là từ-bi bác-ái bình-đẳng đó.

#### 4<sup>o</sup> — Phụ-vương lập gia-đình cho Thái-tử, cho Thái-tử khuây chí xuất-gia

Đấng Phụ-vương biết ý Thái-tử muốn xuất-gia, lấy làm lo, Ngải liền cưới bà phi là Gia-du-đa-la cho Thái-tử, sau sinh được một người con giai là La-hầu-la, Phụ-vương lại lấy cho Thái-tử hai phu-nhân và xây một nơi cung-thất tứ-thời đều dùng được là, mùa đông thì có nhà Ôn-thất để Thái-tử ngự cho ấm, mùa hè thì có nơi lương-quán để Thái-tử ngự cho mát. Lại kén nhiều thê-nữ có nhan-sắc cho vào mùa hát hầu-hạ ở trong nơi cung-thất ấy. Hoàng-phụ làm như thế là dụng-ý để cho Thái-tử say đắm cái cảnh khoái-lạc của đời người mà quên cái chí xuất-gia tu-hành đi. Song cái lòng thương đời mong tìm đạo chính để cứu vớt cho đời của Ngải như lửa đã bén, ngày càng bốc lên to, mà không còn cái gì có thể dập-tắt đi được. Chí xuất-gia của Ngải đến bây giờ bền quả-quyết.

#### 5<sup>o</sup> — Thái-tử Tất-đạt-đa chôn nhà đi tu

Năm ấy, Thái-tử 29 tuổi, đêm hôm mồng 7 tháng hai, Ngải chờ mọi người trong cung ngủ yên cả, Ngải sai người Sa-nặc dắt ngựa theo Ngải trèo qua thành mà ra.

Ra khỏi thành, Thái-tử hét lên những tiếng như tiếng sư-tử gầm mà rằng : « Nếu ta không tìm ra được đạo « *À-nỗc-đa-la-Tam-diệu* » (Nghĩa là đạo chính giác hiểu-thấu mọi lẽ tối hạc chính đấng hơn hết), thì ta quyết không trở lại chốn này nữa. »

Thái-tử đi vào miền núi Tuyết-son mé bắc Ấn-độ, tức là núi Hi-mã-lạp (Himalaya) bảy giờ, Ngài tự cắt tóc đi và mặc áo cà-xa là áo thầy tu, cho Sa-nặc về, rồi tìm vào các nơi tu-hành của các vị tu tiên để hỏi đạo. Thái-tử đi tu, đời gọi Ngài là Thích-ca, mà hiệu Thích-ca Mâu-ni thành ra tôn-hiệu của Ngài từ đó.

Thích-ca Mâu-ni bắt đầu vào rừng Bạt-giá-ba có các nhà tu tiên trụ ở đó. Các thầy tu tiên ấy, tu theo đạo Bà-lá-môn là đạo cũ của Ấn-độ, tu hành một cách rất khổ-hạnh để cầu được hoàn-nguyên lại bản tính chân tịnh mà sinh lên các cõi trời. Đức Thích-ca Mâu-ni hỏi hết nguồn gốc về đạo tu ấy, Ngài đều không ưng ý cả. Ngài cho rằng lối tu như thế là tu vị-kỷ mà vẫn chưa giải-thoát được khổ. Ngài ngủ trọ một tối rồi mai từ rã các thầy mà đi.

Tịnh-phạn-vương biết tin Thái-tử xuất-gia rồi, bèn sai các quan Đại-thần đi khuyên can cho Thái-tử về. Nhưng chỉ Ngài đã quyết, không còn ai có thể làm cho lay động được. Tịnh-phạn-vương sai bọn ông Kiêu-trầu-Như năm người là những người tu đạo đã cao đi châu trực và giúp cho đức Thích-ca Mâu-ni về việc tu-hành.

Đức Thích-ca Mâu-ni từ đấy hiểu đạo đã tới bậc Bồ-tát là bậc sắp thành Phật. Đức Bồ-tát Thích-ca bấy giờ lại tìm đến chỗ ông tiên A-la-ra mà hỏi về phép đoạn-trừ sinh lão bệnh tử. Ông A-la-ra giảng cho Bồ-tát nghe về những nghĩa « Số luận và bản tính biến-hóa 數論, 本性, 變化. » Bồ-tát cho rằng đạo ấy nói như thế chưa phải là đạo cứu-cánh. Bồ-tát lại đi tìm nơi khác. Nghe tiếng có vị Đại-đạo-sư là Ưu-đà-la, Bồ-tát liền đi sang qua sông Hằng-hà tới nơi phỏng-vấn. Ưu-đà-la nói tu tới cõi « Phi tướng, phi-phí tướng » mới là chỗ giải-thoát hơn hết. Nhưng Bồ-tát xét ra phép ấy hưởng hết phúc báo thì lại phải luân-hồi, cũng vẫn chưa phải là đạo cứu-cánh và cũng chỉ là những lối tu vị-kỷ cả mà thôi.

### 6° — Bồ-tát Thích-ca Mâu-ni tu khổ-hạnh

Bồ-tát đã điều-phục được hai vị tiên ấy rồi. Ngài đi lên núi Gia-đồ vào trong rừng Khổ-hạnh bên sông Ni-liên mà

ở lại đó. Từ đó Bồ-tát một mình yên tĩnh, tự-tu phép khổ-hạnh, giữ giới nhĩa ăn nhĩn mặc, đến 6 năm giới g, người đến lã đi, Bồ-tát bèn tự nghĩ ra rằng : « Đạo không phải ở cách tu khổ-hạnh này, ta phải ăn thì mới thành đạo được ». Nói rồi Bồ-tát đứng lên va xuống sống tằm cho sạch sẽ. Bấy giờ có một người con gái nhà trần bỏ sữa, đem dâng Bồ-tát một bát sữa, Bồ-tát nhận ngay. Ăn sữa xong, Bồ-tát thấy tâm-lực được đầy đủ, có thể kham nổi việc cầu đạo chính được.

Bọn Kiều-trần-Như 5 người thấy Bồ-tát không giữ sự khổ-hạnh như thế, cho rằng Bồ-tát thoái-chuyển việc tu-hành mất rồi. Họ bèn bỏ Bồ-tát mà đi nơi khác.

Bồ-tát đi một mình đến chỗ gốc cây Tất-ba-la, ngồi lên một đống cỏ mà thề rằng : « Nếu ngồi đây mà không nghĩ ra được đạo chính-giác thì quyết không đứng lên nữa ».

### 7° Bồ-tát Thích-ca Mâu-ni thành đạo

Bồ-tát ngồi dưới gốc cây ấy mà suy nghĩ một mình đến 49 ngày, tới sáng sớm ngày mồng 8 tháng hai, lúc rạng đông, sao mai mọc, thì bỗng giác-ngộ ra đạo « A-nỗc-da-la tam điều tam bồ đề . . . Đạo lấy từ-bi bác-ái, bình-đẳng làm gốc. Thế là Ngài thành Phật từ đó. Bấy giờ Ngài 35 tuổi.

### 8° Đức Phật Thích-ca Mâu-ni đi truyền-đạo

Đức Phật Thế-tôn đã thành đạo rồi, Ngài bèn đi đến vườn Lộc-vườn xứ Ba-la-nại là chỗ 5 thầy xa-môn bọn Kiều-trần-Như mà thuyết pháp về « tứ diệu-đế » 四妙諦 cho 5 ông ấy nghe. Tứ diệu-đế là bốn điều nghĩa-lý rất thâm diệu :

1° *Khổ-đế* 苦諦, đời là khổ

2° *Tập-đế* 集諦, những sự tập-hợp mọi cái khổ lại. Sự tập-hợp ấy có 12 nhân-duyên là : Vô-minh 無明 duyên hành 行, hành duyên thức 識, thức duyên danh-sắc 名色, danh-sắc duyên lục-nhập 六入, lục-nhập duyên xúc 觸, xúc duyên thụ 受, thụ duyên ái 愛, ái duyên thủ 取, thủ duyên hữu 有, hữu duyên sinh 生, sinh duyên lão tử 老死.

3° *Diệt-đế* 滅諦, phải diệt cho hết khổ đi.

4° Đạo-đế 道 諦, diệt khổ thì phải tu theo đạo chính.

Năm ông ấy bắt đầu được nghe và hiểu đạo Phật. Thế-tôn lại giảng rộng thêm ra đề độ cho 5 ông ấy. Ấy trong thế-gian từ đó mới có tam bảo 三 寶 là Phật Pháp và Tăng, đức Thế-tôn là Phật-bảo, Tứ-diệu-đế là Pháp-bảo, 5 ông xa-môn ấy là Tăng-bảo.

Sau Phật lại thuyết-pháp cho ông trưởng-giả Gia-xá-tur và độ cho người cha ông trưởng-giả ấy làm Ưu-bà-tắc. Mẹ và vợ của ông trưởng-giả Gia-xá-tur cũng được dự nghe thuyết-pháp và quy-y tam bảo, gọi là Ưu-bà-ri. Phật lại độ cho 50 người bạn của Gia-xá-tur và Phật khuyến các ông ấy đi du-lịch các phương xa mà giáo-hóa đề độ cho chúng sinh.

Thuyết pháp ở vườn Lộc-uyển rồi, Phật đi sang nước Ma-kiết-đa (Magodha), trụ ở trong thành Vương-xá (Rajagriha), ở đấy Phật độ cho ba anh em ông Ưu-lâu-tần-loa ca-diếp và đến một nghìn người đệ-tử của các ông.

Thuyết-pháp cho vua Tần-bà-xa-la (Buisbisara), độ cho các ông Xá-lị-phất, Mục-kiền-liên tức là Mục-kiền-liên-gianna và Đại-ca-diếp.

8° — Đức Phật Thích-ca Mâu-ni về thăm cố quốc

Sau khi đức Phật trở về thành Ca-bỉ-la là nơi cố-quốc, thuyết-pháp cho Phụ-vương nghe, và độ cho cả gia-quyển cùng họ hàng trong giòng họ Thích-ca. Tức là độ được cho em gái là Nan-đà, con là La-hậu-la và bà dì về hồi đó. Từ khi bà dì quy Phật, Phật giao cho bà cai-quản bộ ni, trong giáo-hội Phật mới có bộ ni từ đó. Phật lại từ thành Ca-bỉ-la sang thành Vương-xá đến núi Kỳ-xà-quật, tức là núi Linh-thứ, vì ngọn núi dợn như đầu chim Thứ. Từ bấy giờ Phật thường khi đi khi về khắp các chốn kể trên ấy, để thuyết-pháp giáo-hóa mà độ cho khắp cả chúng-sinh ở cõi trời và cõi nhân-gian. Trong các nơi Phật đến ở để thuyết-pháp có truyện cái vườn *Kỳ-thụ Cấp-cô độc viên* 祇樹給孤獨園 là lý thú lắm. Duyên có ông Trưởng-giả là Tu-đạt ở nước Xá-vệ cõi Ấn-độ, ông rất mộ Phật, xin lập nhà tinh-xá để mời Phật về ở thuyết-pháp cho xứ ấy, mà chỉ có cái vườn của Kỳ-đa Thái-tử có thể lập được tinh-xá mà thôi, nhưng

Thái-tử đòi lát vàng khắp mặt đất mời bán cho. Tu-đạt liền cho mang vàng lát hầu kín đất. Thái-tử biết Phật có đạo cao nên mời phục được người ta như thế, bèn nói chỉ bán đất vườn chứ không bán cây, cây để cúng Phật và cùng dựng nhà tinh-xá rước Phật về ở để thuyết-pháp độ cho đời. Vì thế thành tên là vườn Kỳ-thụ, Cấp-cô-độc viên, nghĩa là vườn của ông Cấp-cô-độc mà cây của Thái-tử Kỳ-dã.

### 90 — Đức Thích-ca Mâu-ni vào Nát-bàn

Sau khi Phật thành đạo 44 năm, ngày 15 tháng 2. Phật đi vào thành Câu-thị-na (Kusina-gara) chỗ khoảng giữa 2 cây Xá-la, cho kê bày giường sập và hội họp vô số các đấng ở cõi trời, cõi nhân-gian đến đông đủ, chỉ có hai ông A-nan và Ca-diếp hiện đương bị bệnh không ngồi được phải nằm nghỉ ngơi về cạnh sườn bên hữu mà nghe lời giáo-hóa.

Phật thuyết-pháp về nghĩa *tam-bảo thường-trụ* là đức Phật, Đạo pháp và tăng hội của ngài bao giờ cũng vẫn thường-trụ ở cõi thế-gian này, để mà độ cho chúng-sinh. Phật đem phép lớn phó-trúc cho đức Văn-thù Sà-li, cho đến các vị Ca-diếp, A-nan đều phải phó-trúc lẫn lượt cho nhau như thế.

Bấy giờ đức Phật Thế-tôn tức thì vào thuyền định chứng quả Nát-bàn. Phật vào Nát-bàn rồi, ông Ca-diếp bèn đứng lên đốc-xuất 500 vị La-hán kết tập những lời Phật thuyết pháp thừa tại-thế lại thành các bộ kinh-luật của hai phái đại-thặng và tiểu-thặng.

Số năm từ khi Phật diệt-độ đến nay có nhiều thuyết khác nhau, Trung-quốc Việt-nam và Nhật-bản truyền lại đã lâu, đều nói Phật giảng thế trước tây-lịch kỷ-nguyên 1027 năm, diệt-độ trước tây-lịch kỷ-nguyên 949 năm. Lại ở nước Nam Sư-tử (Tích-lan-đảo) thì truyền rằng Phật diệt-độ trước Tây-lịch 546 năm. Ở Diển-điện và ở Tây-tạng thì nói đại-ước vào hồi trong ngoài 500 trước Tây-lịch. Cứ các nhà khảo-cứu gần đây thì đều lấy cái thuyết trong ngoài năm thế-kỷ trước Tây-lịch là gần đúng.

NGUYỄN-TRỌNG-THUẬT

## BIÊN HÌNH CỬU BẠN

Đức Như-lai vô-lượng úc-kiếp trở về trước, cũng vì tu-nhân tích-phúc, nên có một thời sinh lên thiên giới, làm vua Đế-thích, song cũng vẫn nhớ được tác mạnh, thường nghĩ rằng : Thân này là khổ, là vô thường, là không chắc-chắn, lúc nào cũng vẫn lo sợ cho mình, có đi chơi đùa cũng gia-công khuyến hóa cho hết thảy mọi người mở mang tri-tuệ, chuyên tu phúc-đức, không lúc nào ngơi, mà lúc nào cũng vẫn thương xót cho cõi trần, đạu đờn cho chúng-sinh, ngu si mê hoặc, nên chẳng nề rời bỏ, có một hôm thấy một người bạn cũ phải thác sinh làm người đàn bà, lấy người phụ-thường, chỉ ham mê về tài sắc, không tưởng đến sự vô-thường, quanh năm chỉ tối chỉ gia công trong đêm, hết sức sửa sang, ra rêu cửa hàng để cho khách hàng chú-ý, cho thiên-hạ yêu khen, vua Đế-thích liền hóa là một người khách hàng đi qua cửa. Người đàn bà trông thấy mời chào rất khẩn khoản tỏ ra tình thân-mật lắm.

Lúc người khách vào hàng ngồi yên ổn rồi, nhìn người đàn bà kia một hồi lâu, xong tùm tùm cười, người đàn bà ấy trong lòng rất sợ hãi, không hiểu ý ro sao, trông người khách thì vẫn có ý kinh cần chứ không có chi là tỏ ra vẻ khinh mạn mình cả, song đáng sợ nhất là ở chỗ không nói ra cứ cười nhạt như thế, lối có ý chi đó.

Bấy giờ lại có một đứa bé con, cầm cái trống đánh chơi lấy làm vui thú lắm.

Người khách trông đứa bé ấy lại tùm tùm cười. Lại có người nữa vì cha ốm muốn giết một con trâu để cầu cúng cho cha, lúc giết trâu qua, người khách trông thấy người giết trâu rồi cũng cười như trước.

Một chỗ lại có một người đàn bà bế một đứa bé con, tay đứa bé cầm một cái dao con thật sắc, đâm ngay vào má người đàn bà kia toác cả mồm ra, máu chảy lênh láng, coi rất ghê sợ, thế mà người khách đó cũng chỉ cười khảnh-khách mãi thôi.

Từ trước người đàn bà chủ hàng vẫn để ý xem cách cử-

chỉ của người khách đó, lại càng lấy làm lạ, làm khả ngại lắm, bèn đánh bạo hỏi người khách rằng: Làm sao từ lúc ngài vào hàng tôi đến giờ ngài cứ cười nhạt mãi, làm sao thế? Cho đến trông thấy con tôi, thấy người hàng xóm, ngài cũng vẫn cười, tất nhiên có ý gì ở trong chứ không không. Vạy xin ngài chỉ bảo cho.

— Người khách nói: Tôi với người trước là bạn hiền với nhau mà sao người đã chóng quên thế? Người đàn bà nghe xong đỏ mặt lên, không bằng lòng, liền mắng ngay rằng: cái người này thật vô lễ, khéo giả vờ lắm.

— Người khách nói: Người có biết không? cái đứa bé kia chính là cha người đấy; khi cha người chết đi vì có nhiều công nợ tội ác, nên đã bị một kiếp phải thác sinh làm trâu, lúc có người lột gia trâu để bưng trống thì con trâu ấy chết đi lại được làm người, song không có chỗ thác sinh, lại phải đầu thai vào làm con người, mới cách trước sau một đời, mà cha làm con, con lại làm mẹ còn chẳng biết nhau, huống chi nhiều đời, này chính cái trống mà đứa bé cầm ấy là da thân cũ của nó đấy, mà nó vẫn không biết cứ đánh đề cầu vui, chứ như thế thì còn vui nổi gì? thật đã quên hết mất cả bản thể của mình rồi.

Tức như người hàng xóm kia, vì cha ốm mà giết trâu để cầu thần, mong lấy phúc đức song lại kết oan khiến thêm, đồng mỗi tai vạ ra; con trâu kia chết lại làm người, người cha đó chết phải làm trâu, oan oan tương báo cùng nhau, vui khổ phải chịu lẫn cùng nhau, không bao giờ hết, như thế thật là người con có hiếu mà ngu, thì lại thành làm hại cha, làm khổ cha, chứ không có chi là ích cả.

Còn người đàn bà hàng xóm kia, đời trước là vợ cả, mà cái đứa bé ẵm ở tay ấy là vợ hai. Người vợ cả thường hay có tình ghen ghét vợ hai, hành hạ cực là khổ sở, không còn một tí gì là nhân-đạo cả; đến khi người vợ cả chết đi thì vẫn làm người đàn bà như kiếp trước, còn người vợ hai hiện nay là đứa bé con ấy, cầm dao rạch miệng người đàn bà kia để trả thù đời trước đấy, nên người đàn bà đó cứ đánh nhần tằm chịu khổ, không còn kêu van vào đâu được nữa.

Nói đến đây thì người khách lại than rằng:

« Thương ôi! nhân sự vô thường,  
 Thế quyền nào có phải đường dài lâu,  
 Thân cùng đây nghiệp theo nhau,  
 Như binh với bóng dễ hầu khác chi.  
 Qua đời còn chẳng biết gì,  
 Nữa là muôn kiếp chịu bề tối tăm,  
 Phật xưa thường vẫn dạy răn,  
 Chớ ham sắc dục nuôi thân sống còn.  
 Coi thường đạo chính cẩn con,  
 Rước lấy tà-kiến đem chôn vào lòng,  
 Chẳng nghe lời Phật là công,  
 Chính ta cười bởi người không biết mình.  
 Biết bao những sự nhục vinh,  
 Chẳng qua chớp mắt đã thành không ngay.  
 Chớ nên giữ thói ngu này,  
 Có khôn sớm phải liệu bài lo toan,  
 Giữ sao năm giới vẹn toàn,  
 Tu sao sáu độ vẻ vang mới là.  
 Thân ta ta phải liệu mà,  
 Chớ nên học thói xa hoa dong dãi,  
 Ngày nay ta tạm biệt hồi,  
 Nhân-duyên còn có ngày mai tương-phùng.

*Nói xong người khách biến mất, người đàn bà đó tỉnh-  
 ngộ, bỏ ngay tình tham lam và thói xa xỉ, theo lời thuận  
 pháp, dốc lòng giữ giới ăn chay, chỉ mong người khách đến.*

*Hôm sau vua Đế-thích lại biến hình ra làm một người  
 rất xấu xí, quần áo tả tơi, mặt mày nhăn nhó, coi rất ghê  
 sợ, đến gõ gọi người đầy tớ bảo rằng : « Tôi có người bạn  
 ở trong này, người vào báo hộ, để tôi vào chơi », đưa ở vào  
 nói. Người chủ ra nhìn, cho không phải là bạn, vua Đế-thích  
 lại lúm lúm cười, rồi nói rằng : mới cách có vài hôm nay,  
 tôi đổi quần áo đi, mà người còn không rõ, không nhớ,  
 huống chi cách đời nọ sang đời kia, vậy người nên chăm  
 chỉ phụng hành giáo hóa của Phật mà tu hành, nhất tâm  
 nhất ý, chớ nên xao nhãng, chứ thân người thì dễ mất lắm,  
 mà pháp Phật không phải là dễ gặp đâu ! Nói xong ngài lại  
 biến ngay, còn người đàn bà kia tức tiền thân của đức Di-nặc.  
 (Truyện này trích trong kinh Di-nặc vi nữ-thân).*

TRÍ-HẢI dịch



# CHÂN-HƯNG PHẬT-GIÃO LÀ SỰ RẤT CẦN-THIỆT

(Bài diễn-thuyết của ông Phạm-tài-Luyện  
đọc tại chùa Văn Hải-phòng)

(Tiếp theo)

Nhân dịp nói chuyện về mê-tin làm sai mất chính-tin, tôi lại sức nhớ đến các thứ đồ mã thường bày la-liệt ở trước cửa Phật, mà xét trong kinh Phật không thấy nói đến bao giờ. Chỉ thấy trong sách (Tục-ngôn cảnh-giáo 俗言警教) có chép như sau này : « Về đời « nhà Tùy bên Tàu vào khoảng thế-kỷ thứ sáu có tên « gọi là Vương-luân, nghĩ cách chế ra các thứ vàng bạc « bằng giấy để lợi-dụng người mua. Khi ban đầu thời « những người có tính hiếu-kỳ ganh nhau mua hết. Anh « chàng được dịp dắt hàng, chế ra rất nhiều để mong tiêu- « thụ. Nào ngờ sự phát-tài kia chỉ là tạm thời, chớ không « phải vĩnh-viễn, nên mới nghĩ một cách bí mật : cùng « người đồng-chí, tổ-chức xong xuôi, rồi anh giả làm người « qua đời mà quan tài vẫn để chờ ngày tống-táng. Trong « khi thân-khố cố-hữu gần xa đến đưa đám, đã thấy có « mùi hôi hám ở trong thi-thể xông ra làm nhiều người « không chịu nổi phải lánh xa. Hay đâu cái hơi khó chịu « kia lại là xác một con vật gì chết, mà bọn kia dụng tình « ngầm giấu ở nơi tang-gia từ bao giờ. Rồi một người bạn « thân của Luân đem những vàng mã đến trước linh-cữu « Vương-Luân tế, mà đốt đi ngay trước mắt công chúng, « tuyên bố bài văn-tế, đại ý nói : « Lúc bình sinh, anh là « một nhà chế-tạo đã phát minh ra nghề hoa-man, tức là « thứ vàng Minh-kim đây, mà người trần-gian đây không « ai biết thưởng-thức. Nay anh đã bỏ thế gian này, tôi xin « đốt đi, hồn anh có linh-thiêng thì nhận lấy mà tiêu dùng « nơi âm phủ. . . . . ». Thời bỗng chốc trong « ván thấy lục xúc như có ý kêu cứu. Kịp mở tấm ván thiêu « ra, Vương-Luân sống lại mà thuật ngay nguyên-nhân sự « nhận được vàng mã kia mới được tái-sinh về dương thế, « rồi cảm tạ ơn giời bề của bạn đã cứu mình ». Vì cách tổ-

chức bí-mật của bọn kia đã lợi dụng làm quảng-cáo như thế nên cái làn sóng mê-tin đã lan khắp ra mặt bể trầm-luân, trải mấy thế-kỷ, có nhẽ Vương-Luân đã phải theo vòng nghiệp-chướng qua bao nhiêu kiếp luân-hồi mà luồng khói Minh-kim vẫn còn mờ rọi trên con đường sùng-bái mà chưa tan.

Vậy sự dùng vàng mã, ta nên tin hay không nên tin, xin lấy óc giác ngộ dưới ánh sáng đức-tuệ của đức Phật-tổ Như-lai mà nhận kỹ.

#### 40 - Nói về việc diễn-giảng là một cơ-quan hệ-trọng trong việc chấn-hưng Phật-giáo

Công việc chấn-hưng Phật-giáo, kể cũng nhiều mối; nào là phải dựng một ngôi chùa hội-quán tôn-nghiêm lộng-lẫy để cho công-chúng chiêm-ngưỡng; nào là phiên-dịch kinh-sách để tuyên-truyền giáo-lý; nào là sửa-đổi lại cách phụng-sự chiêm-bái cho hợp với kinh-chỉ Phật; nào là lập trường tăng-học để đào-luyện chư tăng; nào là sửa định tăng-qui cho các vị xuất-gia có quy-tắc mà theo; nào là tôn một vị Thuyền-gia pháp-chủ để các sơn-môn có thống-hệ; nào là lập bệnh-viện và nhà tế-bần để thực-hành việc bố-thí; nào là xuất-bản báo-chí để truyền-bá Phật-học. Ngoài các việc ấy ra thời việc diễn-giảng cũng là một cơ-quan hệ-trọng trong việc chấn-hưng Phật-giáo. Vì việc tu-hành, bên xuất-gia thời không phải nói nữa, còn về bên tại-gia thời thật là một sự rất khó, vì còn có nhiều hệ-lụy. Bởi thế nên mới có câu: « Thứ nhất là tu tại-gia, thứ nhì tu chợ, thứ ba tu chùa ». Đọc đến câu này, các ngài đừng vội tưởng có ý phân-biệt tu chùa không bằng tu nhà dẫu. Chính ý câu này là nói ở nhà còn có nhiều hệ-lụy là khó tu thứ nhất, ở chợ tuy bớt hệ-lụy hơn ở nhà, nhưng cũng còn hệ-lụy nên khó tu thứ nhì, duy ở chùa, không hệ-lụy gì thời dễ tu hơn cả. Tại gia khó tu, lòng người dễ sinh nản.

Nếu không có cách gì để cõ-động đến luôn thì gần gần cũng trở nhác đi mất. Mỗi tháng hai kỳ diễn-giảng này tức là cái cơ-quan nhắc cho mọi người phải để ý đến nhời Phật-giây mà gốc chỉ tu-hành.

Vẫn biết rằng một bài diễn-dạng đọc trong non một giờ hay hơn một giờ, cũng như gió thoảng ngoài tai vậy, mà dù các thính-giả có để ý nghe chẳng nữa, thời cũng chẳng qua chỉ như nếm một miếng ở trong một vạc thịt ngon mà thôi, chắc chẳng được bổ ích mấy. Nhưng chính nhân đó rồi những bậc có tâm với đạo-giáo, về nhà tự ngẫm-nghĩ, tự tìm xét lấy những chính-lý ở trong kinh Phật, hoặc nguyên bản chữ Hán, hoặc đã phiên dịch ra chữ Quốc-ngữ để mà tu-tĩnh tâm: thân, thời lo gì mà chẳng lên được con đường giác-ngộ.

Nhân tiện đây, tôi lại có một thiên-kiến đối với hai ngày tuần là ngày (sóc) ngày (vọng) của ta mà hết thầy từ thành-thị cho đến hương-thôn đình, chùa, miếu mạo, đâu đâu cũng thấy hương-hoa chiêm-bái. Nghĩ cho kỹ thời có lẽ tiền-nhân ta cũng nhân những ngày đó bày ra lễ-bái để nhắc cho người ta khỏi nhãng mất cái lòng tín-ngưỡng thần, phật, tự khắc là phải ăn hiền ở lành, không giâm nghĩ bày lam cần để còn mong cho được phúc. Vậy tiền-nhân ta tuy chưa có lệ diễn-giảng trong một tháng hai kỳ nhưng cũng đã ngụ có ý diễn-giảng vào đấy.

— Hội chấn-hưng Phật-giáo ta ngày nay lập ra lệ diễn-giảng này cũng ám-hợp cái ý tốt của tiền-nhân mà lại làm cho thêm rõ rệt hơn ra — vậy ta là phật-tử, ta là giòng-giới tiền-nhân, ta không quên được mỗi tháng hai ngày tuần, thời ta cũng không nên lãn-đạm đối với việc diễn-giảng này. Ấy cái mục-dịch của việc diễn-giảng là thế, cái nguyên-vọng đối với việc diễn-giảng là thế.

Còn theo như câu : « Tự giác giác tha 自覺覺他 » nghĩa là mình biết rồi lại đem giậy cho người biết ở trong kinh phật là một sự bố-thí bằng lời nói, đối với bậc cao-minh, tôi không dám nói, chứ chính tôi đây tự nghĩ chúng-sinh là chúng-sinh, tôi cũng là chúng-sinh, đâu có dám đương lấy cái thiên-chức cao-siêu ấy. Tôi chỉ là một người thể theo cái ý tốt của tiền-nhân thay mặt anh em giáo-hữu mà góp một phần công con trong sự nhắc cho chúng-sinh đừng quên cái lòng tín-ngưỡng Phật-tổ đấy thôi. Xin các ngài cũng nên cùng tôi cùng thể theo cái ý

của tiền-nhân mà đừng để cho sự diễn-giảng này thành ra lãnh-đạo, quý hóa biết là đường nào ! ! !

### 5°—Nói về một vài ý-tưởng đối với việc chấn-hưng Phật-giáo và ích-lợi về việc chấn-hưng Phật-giáo

Thưa các ngài : các ngài đã đồng-tinh mà cho việc chấn-hưng Phật-giáo là một việc rất cần-thiết ngày nay, thời xin những vị có chức-trách về tôn-giáo, bất cứ nơi nào đều giốc một lòng, chẳng những bên tăng, bên tục, nên hồi-tám hướng-đạo để hợp-tác, mà tăng, ni ở các sơn-môn cũng kịp nên hồi-ngộ, cùng một tôn-giáo thời thống-nhất quy-y, không nên chia rẽ nhau.

Lấy tôn-giáo làm danh-dự, chứ đừng lấy danh-dự làm tôn-giáo. Phàm người đã biết lấy tôn-giáo làm danh-dự là người hiểu thấu tôn-giáo một cách siêu-việt, mà tham, sân, si về phần cá nhân không cần phải so-sánh chi hết, mới có thể cộng-hòa để chấn-hưng tôn-giáo được.

Bên xuất-gia và bên tại-gia, hai phái đã biết dung-hòa, hết thầy không lấy lợi-quyền mà phân-ly, hết thầy chỉ lấy công-đức mà hòa-hợp thời tức là đạo bác-ái bình-đẳng của đức Như-lai đã giải-thoát cho tâm-hồn chúng ta được ra khỏi cái vòng phiền-nã ở trong bể khổ vậy.

Phụng-sự và chiêm-bái, hết thầy chỉ lấy tôn-giáo làm tín-ngưỡng, hết thầy không mê-tín về dị-đoan, thời tức là đạo quang-minh quảng-đại của đức Như-lai đã điều-hóa cho tinh-thần chúng ta được thoát ly ra khỏi sông mê vậy.

Có người nói : « chấn-hưng Phật-giáo cần về tinh-thần không cần về hình-thức ». Phải biết rằng : phàm sự phải có đủ tinh-thần và hình-thức, có hình-thức mà không tinh-thần, cố nhiên không được, mà có tinh-thần mà không hình-thức, lại cũng không xong. Nếu chỉ nói hai chữ (tinh-thần) suông thôi, mà không có hình-thức gì để truyền-bá tinh-thần thì có khác gì câu truyện như sau này : « Một ông già đời xưa của cũng lắm, con cũng nhiều, sự sung-sướng ở đời nãhĩ chả thiếu gì, chỉ những ước một sự

« trường-sinh-bất-lão. Thấy nói cử niệm tên các đấng Phật  
« được nhiều lần thời sống lâu không chết, nên ông theo  
« đường phương-tiện chỉ niệm Phật hàng ngày mấy trăm  
« biển, mấy nghìn biển, nhưng mà không làm được một  
« chút công duyên chi hết thì có ích gì đâu ».

Vậy hình-thức có chấn-chỉnh thời tinh-thần mới nhân  
đấy mà chấn-hưng, Phật-giáo đã chấn-hưng thời tất luân-  
lý ngày một sáng-tỏ, phong-tục nư ỳy thêm tốt-đẹp.

*Độ sinh nhờ đức cao giầy,*

*Ra tay tế-độ với người trăm-luân*

**Nam-vô-a-di-dà Phật.**

---

---

### **Bài dâng hương ban Đồng-nữ chi hội Khoái-châu**

*Nam-mô chư Phật mười phương.  
Chúng con đồng-ấu dâng hương cúng người.*

*Nam-mô quá khứ Phật đài,*

*Nam-mô hiện tại vị lai Phật đờng.*

*Chúng con dâng một tuần hương,  
Một lòng cung kính cúng dàng quy y.*

*Nam mô đức Phật từ-bi,*

*Đem lòng bác ái hộ trì chúng-sinh.*

*Chúng con vì chót vô minh,*

*Che mờ chân linh mà sinh thói tà.*

*Bởi ngu, tham, giận sinh ra,*

*Sáu căn sui khiến bỏ qua đạo thường.*

*Nay nhờ Phật-giáo tuyên dương,*

*Mở đường phương liên dấy phương tu-hành.*

*Chúng con niệm Phật tụng kinh,*

*Xin theo đạo Phật chỉ thành dâng hương.*

*Trăm nghìn lạy trước Phật đờng,*

*A-di-dà Phật lần chàng nam mô.*

LÊ-VĂN-HIỆN soạn

## MỪNG BÁO ĐUỐC TUỆ

### Miêu

Sa-bà thế-giới mịt mờ,  
Mệnh-mông bề khở nào bờ bến, đâu ?  
Cuộc đời đâu bề bề đâu,  
Người đời lương những ấu sâu vằn vơ.

### Nói

Cảnh đời Ngũ-trược,  
Mừng từ đây sẵn bố đước xoi đường,  
Nào những ai lục căn nhiệm trược, tam độc mơ quàng,  
Nói ánh sáng để lên ngàn chính giác,  
Đuốc-Tuệ tung bừng đời sáng-láng,  
Đèn từ le lối bề trầm-luán.  
Thương chúng-sinh lẫn lóc cõi trần.  
Kiến tư hoặc để chán-tâm mờ ám cả ;  
Đàn ngôn-luận từ nay sáng tỏ,  
Tiếng chuông chiều mõ sớm gọi hồn mê,  
Mau mau tỉnh dậy quay về.

NGUYỄN-VĂN-HỮU *Bối-câu—Phủ-lý.*

### Vịnh chùa Hương

Nón xanh khói trắng một bồng-hỗ,  
Phong cảnh thiên-nhiên có mấy chùa.  
Này chốn lên giới, nơi xuống đất ;  
Nào người soa cật kẻ cầu cơ.  
Đá khua nên trống, chim khua mõ,  
Tiền chất từng cây, thóc chất kho.  
Con cháu Rồng Tiên nhờ phúc tổ,  
Giang sơn gấm vóc của Giới cho.

### Hạ thể

Nam thiên đệ nhất tách riêng vùng,  
Ngự bút rành-rành hỡi thử trông ;  
Năm về mây che lờn khói tỏa,  
Một dòng nước chảy dấu ngọn chông.  
Cậu có đất hiện hình nhân quả,  
Hoa cỏ giới thêu chữ sắc, không.  
Ngư-phủ là ai còn lạc lối,  
Hắn chưa rời đến ngọn nguồn sông.

## Vịnh chùa Tử-Trăm

*Nghê tiếng chùa Trăm những ước ao,  
Rủ nhau lễ Phật tiếng sơn sao,  
Ngọn chùa bao phủ trong hang đá,  
Tượng bụt nguy nga chốn động-dào.  
Màn tia từ xưa lên gọi vậy ;  
Hương trầm lan khắp khói thơm sào,  
Hỏi thăm Chương-Mỹ xem phong cảnh,  
Danh thắng thiên thành biết tự bao ?*

\* \*

## Vịnh chùa Giâu

*Lịch-sử chùa Giâu có biết không ?  
Tại làng Khương-tự trải bao đông,  
Chín tầng tháp đá nay còn mấy ?  
Bốn tượng bà Giâu đứng ở trong.  
Mạc-Tổ tỏ ra tài dã khéo  
Sĩ-Vương sửa lại vẻ thêm hùng.  
Những khi hạn hán dân kỳ đảo,  
Đi gió về mây phút cảm thông.*

\* \*

## Vịnh chùa Tháp

*Nò nức gần xa vẫn tiếng đồn,  
Rời chân vãn cảnh bước không chồn.  
Mấy tầng tháp đá quanh rêu mọc,  
Chín phẩm hoa sen một trụ tròn.  
Tượng đắp Quan-âm cao ngất đỉnh,  
Người xem Tháp-điện sợ kinh hồn.  
Tại làng Bút-tháp nơi kinh Bắc,  
Danh thắng trời riêng một nước non.*

Phượng-sơn NGUYỄN-THIỆN-CHÍNH

# Nhân-quả tiểu-thuyết

## 因果小說

(Tiếp theo)

Khi ra trường Tiên-sinh ăn không ngon ngủ không yên, khi tỉnh rượu, lúc tàn canh, giật mình mình những thương mình xót xa. Ôi! vì đâu mà có sự báo oán ấy? Cha ông mình mấy đời làm học trò nghèo, còn đốt nhà giết người bao giờ, mà có người oán? Âu là tại số của ta, vận ta chưa đến thì phải, bèn đi hỏi ông thầy tướng, thì ông thầy tướng xét các bộ vị ở mặt, bảo : khoa này ông không đỗ cũng là phải, vì cái thần sắc hắc hãm lắm, và năm nay đến cái bộ vị này, lại có cái « hoành-văn » (橫文) nghĩa là văn ngang, là hãn trở đường công-danh, nhưng cái tướng mạo ông phi thường, tất nhiên có phen tao tể.

Tiên-sinh lại đi hỏi thầy số, thầy số tính cả tử-vi, tử-bình hà-lạc, trảng-canh thái-ất (紫微子平河洛長庚太乙) nói rằng : khoa này ông không đỗ cũng là phải, các sao đều không đắc vị và ngũ hành lại xung khắc nhau, nhưng số ông có cách cục thế này, quyết nhiên không phải là số bần tiện.

Tiên-sinh lại nghe tiếng cụ Tú Phùng An-son, người làng Yên-thái là người tinh mạch Thái-tổ (太素) nghĩa là xem mạch máu ở tay mà đoán được giàu, nghèo, sang, hèn, thọ, yểu và cả đến đường vợ con nữa.

Thấy nói cụ Tú đoán cho ông Nguyễn Phương-Son, năm mỗ đỗ, năm mỗ làm quan và năm mỗ thăng quan, năm mỗ sinh con giai văn văn, đều linh nghiệm như thần.

Tiên-sinh tìm đến Phùng Tiên-sinh ở trại Lãm-dương huyện Võ-giăng nhờ án mạch hộ.

Phùng-Tiên-sinh thấy người nho nhã, ra ý kính trọng, đội khăn và mặc áo, án mạch cẩn thận rồi cười mà bảo rằng : « có phải khoa mới rồi ông hồng thi hay không? Can chủ công danh (肝主功名) nghĩa là gan chủ về đường công danh, mà bộ can của ông không thấy hồng-hoạt (洪滑) chút nào, cho nên gian truân ; đại thể thi mạch ông cũng



thanh tế (清細) không đến nỗi to như cái rạ, là mạch hạng lao-động, thì ông cũng không lo.»

Xem số, mạch, Tiên-sinh biết là còn có hi-vọng về con đường khoa cử, cái sự con quạ kia, tự phân minh lặn đạn mà ra, chứ không phải sự báo oán.

Nhưng gặp lúc phép thi cử thay đổi như chong chóng, khoa Nhâm-tý (1912) lại không như khoa trước: kỳ đệ nhất văn sách, kỳ đệ nhị quốc-ngữ, kỳ đệ tam chữ tây, tuy kỳ đệ tam «bất nguyên bất cường» (不願不強) nghĩa là không muốn thi cũng được, nhưng người ta vào ba kỳ mà mình vào có 2 kỳ thì làm thế nào mà lại được với người ta, quả nhiên hai kỳ trước chỉ đủ điểm mà không có điểm số bài chữ tây, lại thành ra đặt số (溢數).

Đã có nghị-định chỉ thi một khoa Ất-mão (1915) nữa mà thôi, vì kỳ đệ tam tất nhiên phải thi chữ tây, Tiên-sinh lấy làm lo quá, muốn học chữ tây thì làm thế nào, đành nhờ anh em bảo cách đọc văn tây rồi mượn một quyển tự-vị «Pháp-Việt» để mà học được chữ nào trọng chữ ấy.

Khoa Ất-mão bài chữ quốc-ngữ dịch ra chữ tây, đại khái: Tôi là Trần-hưng-đạo, làm quan Nguyên-sứ, đánh giặc Nguyên. Nhiều chữ Tiên-sinh không biết, dịch ra chữ Pháp như sau này:

«Je suis Trần-hưng-đạo, je fais Nguyên-sứ, je thảo Nguyên-tặc» thế nghĩa là vừa chữ tây vừa chữ nho hồ lớn. Ba chữ «thảo Nguyên-tặc» (討元賊) nghĩa là đánh giặc Nguyên.

Quan trường chấm đến quyền phi cười, và thành ra câu truyền tụng.

(鄉試) Hương-thí bỏ rồi, con đường khoa cử thực là tuyệt.

Tính sao đây? dở nghề gì? thôi thì Tiên-sinh xoay đủ mọi nghề:

Trước hết xem mấy bộ sách thuốc: «Phùng-thị, Cảnh-nhạc Hải-thượng» (馮氏, 景岳, 海上,) nhưng trăm hay không bằng tay quen, học phải có hành, nghề làm thuốc phải có kinh-nghiệm, có lịch duyệt, mà ông thi cử mớ

sách ra : « thượng danh hạ tiền » (上名下錢) nghĩa là trên thì tên vị thuốc, dưới thì đồng cân, cứ theo đúng như bài thuốc cổ.

Mới sắm giao cầu được mấy hôm, hàng xóm có anh thợ cây bị cảm, Tiên-sinh bốc bài « Tam-khí » (三氣), chỉ uống một nước thuốc là bị cấm khẩu, rồi đến nỗi không cứu được, Tiên-sinh biết nghề thuốc không phải là nghề dễ, nếu cứ sát hại nhân mạng hoài, thì sau này con cháu có đi thi, có lẽ mấy trăm con quạ quần lại khiêng đĩa mực mà đổ vào quyển đề báo oán chứ không chơi. Nghĩ thế Tiên-sinh sợ hãi mà ném giao cầu xuống ruộng khoai.

Kế đến học địa-lý, xem mấy bộ « Tả-ao, Ngũ-quyết, Ngọc-sích, Hòa-chính » (左洿, 五訣, 玉尺, 和正) tự cho mình là bậc minh-sư, dù chính lòng bên Tàu cũng không ăn đứt.

Tiên-sinh, mùa rét ra đồng, chỉ chỏ con kim, con móc, con hỏa, con thỏ quên mất cả rét, mình chỉ mặc cái áo trắng rách, một người học trò nghịch tính, sụp xuống lấy 4 lạng 3 vài, xin một ngôi đất, Tiên-sinh hỏi: muốn Công, Hầu Khanh, Tướng (公侯卿相) hay muốn Cung-phi, Hoàng-hậu (宮妃皇后)?

Thưa thầy, nhà con ít phúc chỉ xin một ngôi đất phát phúc như thầy: khôe chịu rét, giờ rét thế này chỉ mặc có một cái áo trắng mà không chết.

Tiên-sinh biết là nó chế nhạo, mồm thình, đi nơi khác.

Một hôm Tiên-sinh đương tắm long, một người học trò làm ra dáng phú-hò, khăn nhiễu quần sồi, lại sụp lấy 4 lạng đón về nhà; đi qua một phố, mời vào hàng cơm, chè chén xong, xin Tiên-sinh cho cậu nhỏ (dây tờ Tiên-sinh) đi theo đến hiệu chè tàu, mua chè về dùng. Khi lấy chè rồi, bảo cậu nhỏ đợi đó, về hàng cơm lấy tiền giã, vì khi đi quên ví tiền. Thế là ra chuồn thẳng, một đảng thì chủ hàng cơm trối thầy, một đảng thì chủ hiệu chè trối trò, bị một võ lữ nhà khố đầu, lại giận thân mà bỏ cái nghề « cuội đất ».

Kế tập xem số tử-vy, Tử-bình, Hà-lạc, và xem tướng Quỷ-cốc, Ma-thị » (鬼谷麻氏), thuê một xó hiên trước

cửa hàng một phố Hanoi, bày đặt một chồng sách, ống bút, nghiên mực, một cái cháp, và một vuông vải tây đỏ đề bốn chữ « Thần-số, thần tướng » (神數神相) để làm cáo bạch, mỗi ngày không xem nổi vài hao, mà tiền thuê chỗ ngồi và cơm nước đắt đỏ quá, không sao chu được, đành giơ bảng vẽ một phố lễ chốn thôn quê, nhưng cũng chẳng ma nào xem, vì nói mười câu chả được một câu đúng, tiếng lành đồn xa, tiếng dữ đồn xa, thiên-hạ họ cho là mách quẻ, nghĩ mà tủi phận.

Năm Tiên-sinh 50 tuổi, có bài thơ khai bút :

*Năm mới, râu mày cũng mới ghê,  
Tuổi năm mươi chẵn, lỗ gần kề.  
Kháp trong làng xóm ai không sợ,  
Trông xuống đàn con chữa có nghê,  
Mấy lứa gà toi và lợn địch,  
Vải sào chiêm thối lại mùa khê ;  
Hãy xin gắng sức cho giới nghê,  
Về mặt ông ra đủ mọi hề,*

Thôi thì : « Sĩ đáo cùng thời thủy giáo nghê ».

士到窮時始教兒

Nghĩa là lúc cùng mới phải gõ đầu trẻ, (chữ nhi 兒 là trẻ viết đùa là chữ nghê) âu là kha: trường dạy mấy đứa trẻ con, là cái thiện-chức của nhà nho vậy.

Nghĩ thế, đầu năm, Tiên sinh báo cáo các nhà có con lên bảy lên tám biết mà chọn ngày « bính dần » (丙寅) là ngày hỏa (火) để khai trường vì hỏa chủ văn-chương (火主文章) rất lợi về sự học vấn.

Khốn nỗi! thời đại này, trẻ con những nhà kha khá đua nhau đi học trường Pháp-việt để sau này làm công làm việc, chữ học chữ nho còn va mấy chữ quốc-ngữ quên, thì rồi làm nghề nông gì. Trừ ra những đứa trẻ con nhà nghèo, còn bé chưa đi làm ăn gì được, thì học cho đỡ nghịch, hay là học để sau này đọc nổi cái văn-tự bằng chữ nho, viết nổi cái thơ bằng quốc-ngữ, thì mới chịu học các ông đồ tư-thục (私塾) mà thôi.

Vì thế, mấy cậu Cấn, Khâm, Cấn, Chấn, Tốn, Ly, Khôn,

Đoài (乾坎艮震巽離坤兌) đều là con nhà nghèo trong làng mới đến nhập môn (入門).

Các cậu khi mới nhập môn, chưa có tên thực, còn gọi là thăng cu, thăng cò v. v. . . , Tiên-sinh tự nghĩ biệt hiệu là Thái-cực, nhân có tám cậu, mới đặt tên cho bát quái (八卦) thủ nghĩa là Thái-cực sinh bát quái (太極生八卦) nghĩa là có Thái-cực rồi mới sinh ra bát quái vậy.

Kỳ thủy, các cậu vì nghèo, và nhà xa chợ chưa mua được giấy bút tây, còn phải dùng bút nho và giấy nho mà viết văn quốc-ngữ và tập học văn « ác, ắc, ắc vân vân . . . »

Èa đồ vừa quét sân vừa thở giải mà than rằng: « học mà chân gớm », ác, ắc, ắc, có khác gì đàn quạ, nói chữ học chữ nho ngày xưa hay hơn nhiều, ngấm nga như hát ả-đào vậy », chung quy chỉ là sự không quen tai, không nghe học ấy bao giờ, mới có câu than văn ấy, mà không trách bảo bà đồ có tính lắm cảm cũng là phải.

Về phần chữ nho thì Tiên-sinh võ lòng cho học trò bằng quyền tam-tự-kinh (三字經).

Tết đến, các cậu chung nhau lễ tết thầy: tháng năm thì mấy cân đường ta và mấy quả dưa. tháng mười thì mỗi cậu nộp thầy một thúng thóc, và tết Nguyên-đán nghĩa là lễ năm, thì mỗi cậu nộp thầy một đồng hay năm hào.

Rút ruột tang bồng giả nợ com. Ấy cái kẻ sinh hoạt của thầy chỉ trông vào đấy mà thôi, còn lấy dầu mà phong-lưu được. Tiên-sinh nghĩ mấy văn phú tự trào như sau này:

Ê (緊-ôi) thầy đồ chi hữu lác, (ôi thầy đồ sinh ra). Khương (光-thực) chữ tốt nhi văn hay. Kỳ (既-đã) quần rộng nhi áo giải. Hựu (又-lại) ra giúp nhi vào giầy. Tuyền giáo trạch (宣教澤) ư sách Tiết (rõ rệt) ơn giầy đồ bởi sách Dương-tiết). Chấn uy-lệnh (震撼令 chấn phát uy-lệnh) ư roi mây, hễ nhúng nhằng nuôi giở năm hè (秀-vậy) thì ông bảo cho chúng bay.

Tiên-sinh dạy được một năm, các cậu đều đã đọc và viết được chữ quốc-ngữ.

Tiên-sinh thấy cậu Cấn, cậu Khảm có tư cách thông minh, lại dạy thêm văn tây và chữ tây là những chữ dễ mà Tiên-sinh dở sách tự-vị ra dạy.

(Còn nữa)

# PHẬT-HỌC TỪ-ĐIỂN TẬP-YÊU

## 佛學辭典輯要

**Bạch-cốt quán** 白骨觀, — Phép quán-niệm khi người ta chết rồi thì sau chỉ còn lại có cái xương trắng mà thôi.

**Bạch-hắc nhị-nghiệp** 白黑二業, — Nghiệp thiện trắng, nghiệp ác đen là hai nghiệp.

**Bạch-tượng** 白象, — Voi trắng rất dữ mạnh mà lại có tính khoan hòa nên đạo Phật quý voi trắng.

**Bạch-báo** 白報, — Thiên-nghiệp được báo cách trong sạch nên gọi là bạch-báo.

**Bạch-trùy** 白槌 hay là 白椎, — Cầm dùi gỗ phiến gỗ để biểu bạch với tăng chúng.

**Bạch-liên** 白蓮, — Sen trắng, tiếng Phạm gọi là Phân-đa lệ (Pundarika) cánh trắng sạch, hương thơm ngát hơn sen đỏ, nên dùng làm hiệu quý trong đạo Phật. *Bạch-liên-giáo* 白蓮交 tức là bạn *Bạch-liên-xã* 白蓮社 *Bạch-liên-xã* là những người tu đạo phật kết xã với nhau. Do Tuệ-viên pháp-sư đời nhà Tấn tu ở chùa Đông-lâm xứ Hồ-khê cùng các danh-nho, cao-tăng 123 người kết làm một xã cùng tu học đạo Phật.

## Bán

**Bán cân, bát lượng** 半斤 兩, — nửa cân cũng là 8 lượng, nghĩa là sit soát nhau.

**Bán-chỉ-ca** 半止歌 (Panika), — Tên một thứ quỷ gia-soa.

**Bán tự** 半字, — Những phép học sơ đẳng, còn khiếm khuyết như Tiểu-thừa gọi là *bán-tự*, đến như những phép học cao-siêu, viên-túc như Đại-thừa mới gọi được là *mãn tự* 滿字.

**Bán tọa** 半座, — Nửa tòa ngồi, khi Ca-diếp mới đến yết-kiến, Phật phán cho một nửa tòa ngồi.

- Bán kê** 半偈, — Nửa câu kệ (thơ), kinh *Tâm-địa-quần* !  
« Phật vào Tuyết-sơn xả toàn-thân để cầu lấy nửa câu  
kệ », nghĩa là qui mền nghĩa đạo lắm.
- Bán siêu** 半超, — Quả Lạc-tuệ 樂慧 chỉ siêu thăng  
được một nửa đường tức là chỉ đến các cõi trời bậc  
thấp mà thôi.
- Bán vãn** 半晚, — Nửa chiều, khi-sau bữa trai nhà chùa.
- Bán trai** 半齋, — Nửa bữa trai, lệ xưa nhà chùa đủ  
một ngày một đêm mới thụ một bữa trai, nếu nửa  
chừng ấy mà ăn gì thì là phá trai gọi là bán trai.
- Bán mãn giáo** 半滿教, — *Bán-giáo* 半教 với *mãn-  
giáo* 滿教. *bán-giáo* là phép dạy Tiểu-thừa, *mãn-  
giáo* là phép dạy Đại-thừa.
- Bạt-mục** 揆目鳥, — Tên con quạ.
- Bạt thiết địa ngục** 拔舌地獄, — Tên một Địa-ngục,  
phép hành-bình ở đây lấy kim cặp lưỡi kéo ra, đó là  
đề trị cái tội ác-khẩu.
- Bạt-dễ-gia** 拔底耶 (Upadhyaya), — Thầy dạy của  
minh, cũng là Hòa-thượng.
- Bạt-bà** 拔婆 (Vats), — Con của người ta và của loài  
vật sinh ra đều gọi chung là bạt-bà, cũng viết là 跋婆.
- Ban-chu tam-muội** 般舟三昧, — (Pratyutpannasa-  
madhi, — Phật đứng, vì làm được phép Tam-muội  
này thì thấy Chư Phật hiện ra đứng ở trước mắt  
ngay. Kỳ hạn phép Tam-muội này là liền bảy ngày  
hoặc 90 ngày không lúc nào gián-đoạn, nếu cũng gọi là  
phép thường-hành tam-muội là một phép trong bốn  
phép Tam-muội.
- Ban-na-ma** 般那摩 (Padma), — Hoa sen. *Ba-na-ma-ấn*  
là cái ấn có hình hoa sen.
- Ban-nê-hoàn** 般泥洹 (Patinirvāna), — Tức cũng là  
Ban-nát-bàn nghĩa là nhập-diệt.
- Ban-dát-la** 般怛羅, — Tên lời chú Bạch-lân-cái 白傘,  
tức là *Iát-dắt-đa-ban-dát-la* (Sitatapatta) mà gọi tắt.

## Tương-lai của thế-giới

Thế-giới là một cái núi to mà cao, đồ sộ rực rỡ, thế nhưng chân núi không vững, làm cho núi cứ dần dần đổ nghiêng, có nhiều kẻ ham cái núi quý báu do công trình bao nhiêu mới sửa sang đến thế, họ đến bên núi nào chống nào đổ, nào bỏ hào đồng-chi cùng công giúp sức, họa may có cứu vãn được chăng. Than ôi ! chân núi đã lung lay lại bị bao kẻ muốn lấy mai lấy bữa mà hãy cho núi phải đổ tan tành. Hai bọn, bọn chống núi, bọn đập núi, bọn nào cũng tự cho mình là phải, tự cho kẻ phản đối là vô lý. Nhưng không biết núi kia đâu chống có ăn thua gì, mà không bầy không đập đi nữa, cái việc nó đổ là nó cứ đổ. Kẻ chống đã vô ích, kẻ đập cũng bằng thừa ; đến lúc núi đổ, đá tan cây nát, kẻ chống kẻ đập đều chung chịu cái số phận chôn thây dưới những chông đá khốc hại. Kẻ thực thời chẳng chống chẳng đập, xa chốn hãi hùng mà lên nơi bình địa, đem tầm con mắt nhìn vào những bọn vô ý thức bên cái núi cứ dần dần đổ nghiêng.

Có cái gì cứu cho thế-giới ngày nay không, còn cách gì nữa đâu, thôi cũng đành để cho cái cơ phá hoại nó kết quả, sau cái phá hoại ấy cơ hồ có kiến thiết lại chăng.

Đến cái ngày ấy, máu là sông, xương là núi, thế-giới bỏ phờ ngơ ngác, tìm ai ? mà biết tìm đâu ? Than là vậy mà thương là vậy, kẻ hữu tâm nhìn mà không nở bõ, cố công cùng sức gọi là đắp điểm cho người tử, gọi là đất diu cho người sinh, vội phải vạch con đường lớn cho kẻ hậu lai lên đấy. Con đường ấy chẳng là Phật-học là gì ?

Biết đâu mộng chẳng là thật, mà đức Như-lai chẳng đến cùng ta lần thứ hai nữa ư ?

*Ánh sáng màu lơ*

## Việc truyền bá Phật-giáo trong hạt Thái-bình

Ở làng Vũ-lăng, tổng Thịnh-quang, phủ Kiến-xương, Thái-bình mới thành lập một chi giảng, do ông Trần-dức-Tuyên làm chủ tọa, tổ chức được một số đông thiện-tín cứ ngày ngày ra chùa lễ Phật nghe Kinh. Kỳ khai giảng thứ nhất là ngày mồng 8 tháng 2 nhằm vào ngày đức Phật-lộ xuất gia cầu đạo. Hôm ấy ông chánh đại-lý hội Phật-giáo Thái-bình có cử 7 vị tăng và một viên thư-ký về giúp việc lễ và giảng thuyết về Phật-giáo cho mọi người nghe, rất là long trọng vui vẻ.

---

### HỘP THU'

— Ông Lê-quang Khâm, Huế, ông hỏi trong những sách quốc-ngữ hỏi về đạo Phật nên đọc những sách gì. Xin ông xem ở báo «Đuốc-Tuệ» số 1 có cái quảng-cáo các sách nói về đạo Phật của nhà in Hoà-kỳ Hanoi, những sách ấy có thể đọc được cả.

— Ông Thiện-tâm Cư-sĩ Cholon. Chúng tôi đã gửi báo vô hầu hai ông rồi, nếu không nhận được thì xin ông trả lời cho biết để chúng tôi tra cứu xem thất lạc về đâu.

— Ông chánh đại-lý hội Phật-giáo Kiến-thụy. Xin cảm ơn ông đã gửi cái măng-đa 7 p. của 7 vị độc-giả đồng niên trả tiền báo.

— Các vị độc-giả thuộc về đại-lý Kiến-thụy. Xin cứ đem trả-tiền tại ông chánh đại-lý bên ngoài hội chi hội đó vì đã có biên-lai sẵn của bản báo nhờ ông ấy thu tiền giúp

Ông Nguyễn-vũ-Duyên, Hải-hậu Nam-định; Xin cảm ơn ông đã phát tâm cõ động được nhiều độc-giả cho bản báo. Sự phí tiền thư từ đi lại, chúng tôi sẽ xin gửi hầu ngài sau.

— Có mấy vị mua báo từ số 1 mà gửi lời số 13 lại thấy không nhận nữa; nếu không mua hết hạn một năm hoặc nửa năm xin gửi trả tiền báo từ số 1 đến số 12